

GIÁO ÁN NGỮ VĂN 7 2022 - 2023

BỘ SGK CÁNH DIỀU

BÀI 1: TRUYỆN NGẮN VÀ TIỂU THUYẾT

Đọc – hiểu văn bản (1)

NGƯỜI ĐÀN ÔNG CÔ ĐỘC GIỮA RỪNG

(Trích tiểu thuyết *Đất rừng phương Nam*)

– Đoàn Giỏi –



I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực

* Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm [1].
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà [2].
- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản [3].

* Năng lực đặc thù

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” [4].
- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (bối cảnh, nhân vật, ngôi kể và sự thay đổi ngôi kể, ngôn ngữ vùng miền, ...) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa,...) của văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” [5].

- Nhận biết được từ ngữ địa phương, đặc sắc ngôn ngữ vùng miền trong các văn bản đã học được thể hiện trong văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng”[6].
- Viết được đoạn văn khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” [7].

2. Về phẩm chất: Có tình yêu thương con người, biết cảm thông và chia sẻ với người khác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.
- Tranh ảnh về nhà văn Đoàn Giỏi và văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng”.
- Các phiếu học tập (Phụ lục đi kèm).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5')

a. Mục tiêu: HS xác định được nội dung chính của văn bản đọc – hiểu từ phần khởi động.

b. Nội dung:

GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.

HS quan sát video, suy nghĩ cá nhân, kết nối tri thức trong video với tri thức trong thực tiễn với nội dung bài học

c. Sản phẩm: Cảm nhận của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Quan sát video, chú ý hình ảnh người đàn ông sau và nêu cảm nhận ban đầu của em về người đàn ông trong ảnh qua đoạn video?



- Bật video trích đoạn bộ phim “Đất rừng phương Nam”

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS quan sát video, lắng nghe lời trong video và suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi của

GV hướng dẫn HS quan sát video, có thể tạm dừng video để HS quan sát khung cảnh

B3: Báo cáo, thảo luận:

GV chỉ định HS trả lời câu hỏi.

HS trả lời câu hỏi của GV.

B4: Kết luận, nhận định (GV):

- Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

Các em thân mến! Miền Tây Nam Bộ là một trong những vùng đất đã đi vào trong rất nhiều tác phẩm văn học. Ở đó ta bắt gặp không chỉ khung cảnh thiên nhiên thơ mộng, trữ tình mang nét riêng của miền Tây Nam Bộ mà người đọc còn cảm nhận được những nét đẹp tâm hồn của con người nơi đây. Văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” trích tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam” của nhà văn Đoàn Giỏi mà hôm nay cô và các em đi tìm hiểu sẽ cho chúng ta cảm nhận rất rõ nét đẹp đó của con người miền Tây Nam Bộ được thể hiện qua nhân vật Võ Tòng.

2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới (114’)

2.1 Tri thức đọc – hiểu

Mục tiêu: [2]; [3]; [5]

Nội dung: GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi HS dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm cặp đôi - Các cặp đôi trao đổi sản phẩm đã chuẩn bị cho nhau để cùng nhau trao đổi về sơ đồ tư duy đã chuẩn bị từ ở nhà, có thể chỉnh sửa nếu cần thiết. ? Tính cách nhân vật thường được thể hiện ở những phương diện nào? ? Bối cảnh trong truyện là gì? ? Nêu tác dụng của việc thay đổi ngôi kể trong tác phẩm tự sự? ? Em hiểu thế nào là ngôn ngữ vùng miền? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến. B3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm. - HS đại diện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo. B4: Kết luận, nhận định HS: Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần). GV: - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.	1. Tính cách nhân vật, bối cảnh * Tính cách nhân vật: Thường được thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, suy nghĩ của nhân vật; qua nhận xét của người kể chuyện và các nhân vật khác. * Bối cảnh trong truyện thường chỉ hoàn cảnh xã hội của một thời kì lịch sử nói chung (bối cảnh lịch sử); thời gian và địa điểm, quang cảnh cụ thể xảy ra câu chuyện (bối cảnh riêng);... 2. Tác dụng của việc thay đổi ngôi kể Một câu chuyện có thể linh hoạt thay đổi ngôi kể để việc kể được linh hoạt hơn... 3. Ngôn ngữ các vùng miền - Tiếng Việt là ngôn ngữ quốc gia của Việt Nam, vừa có tính thống nhất cao, vừa có tính đa dạng. Tính đa dạng tiếng Việt thể hiện ở mặt ngữ âm và từ vựng:

- Chốt kiến thức trên các slide và chuyển dẫn sang mục sau.	+ Về ngữ âm: một từ ngữ có thể được phát âm không giống nhau ở các vùng miền khác nhau. + Về từ vựng: Các vùng miền khác nhau đều có từ ngữ mang tính địa phương.
---	--

2.2 Đọc – hiểu văn bản (...)

I. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG (...)	
Mục tiêu: [1]; [2]; [3]; [4]; [5] Nội dung: GV sử dụng KT sơ đồ tư duy để khai thác phần tìm hiểu chung HS dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm cặp đôi - Các cặp đôi trao đổi sản phẩm đã chuẩn bị cho nhau để cùng nhau trao đổi về sơ đồ tư duy đã chuẩn bị từ ở nhà, có thể chỉnh sửa nếu cần thiết.	1. Tác giả  - Đoàn Giỏi (1925 – 1989) - Quê: Tiền Giang - Ông nổi tiếng với tiểu thuyết "Đất rừng phương Nam" viết cho lứa tuổi thiếu nhi, được tái



Phiếu học tập số 1

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.
- HS đại diện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.

B4: Kết luận, nhận định

HS: Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).

GV:

- Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.
- Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau

2. Tác phẩm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

a. Đọc

- Hướng dẫn đọc nhanh.
- + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.
- + Thể hiện rõ giọng điệu và ngôi kể thứ nhất (lời kể của cậu bé An).
- Hướng dẫn cách đọc chậm (đọc theo thẻ).
- + Đọc thẻ trước, viết dự đoán ra giấy.
- + Đọc văn bản và đối chiếu với sản phẩm dự đoán.
- Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn.

b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:

? Văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” viết về ai và về sự việc gì?

? Văn bản được trích dẫn từ tác phẩm nào của nhà văn Đoàn Giỏi?

bản rất nhiều lần và dịch ra nhiều tiếng nước ngoài.



2. Tác phẩm

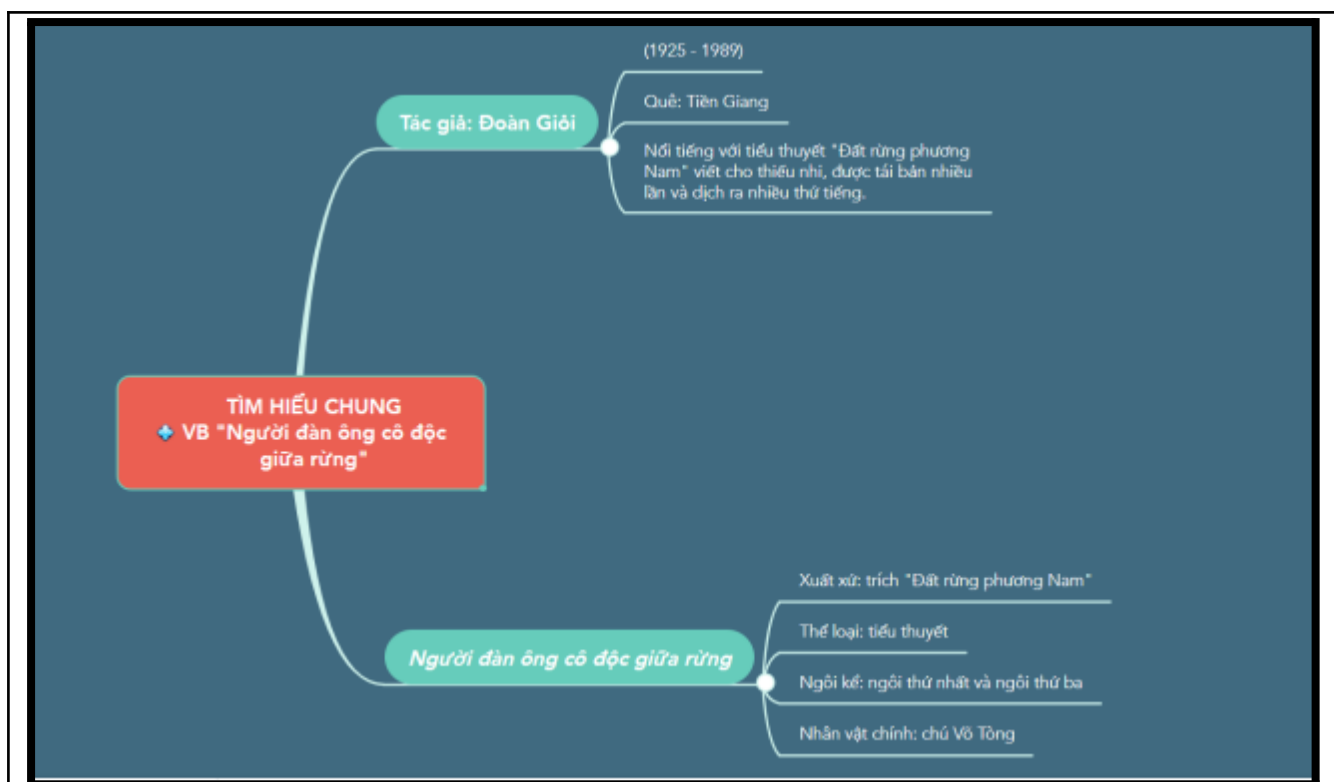
a) Đọc và tóm tắt

- Đọc
- Tóm tắt

b) Tìm hiểu chung

- **Bối cảnh:** là các tỉnh Tây Nam, vào năm 1945, sau khi thực dân Pháp trở lại xâm chiếm miền Nam.

? Văn bản thuộc thể loại gì? ? Dựa vào tri thức Ngữ văn hãy cho biết nhân vật chính trong văn bản này là ai? ? Văn bản sử dụng những ngôi kể nào? Nêu tác dụng của từng ngôi kể? ? Có thể chia văn bản này ra làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần? B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: - Hướng dẫn HS cách đọc và tóm tắt. - Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần). HS: - Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc. - Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà. B3: Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần). HS: - Trả lời các câu hỏi của GV. - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ đọc tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi. - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau.	- Xuất xứ: tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam”. - Thể loại: tiểu thuyết - Nhân vật chính: Võ Tòng - Ngôi kể: ngôi thứ nhất và ngôi thứ 3 (có sự chuyển đổi ngôi kể) - Bố cục: 2 phần + Phần 1: Người đàn ông cô độc giữa rừng qua ngôi kể thứ nhất. + Phần 2: Người đàn ông cô độc giữa rừng qua ngôi kể thứ ba.
Sản phẩm tổng hợp:	



II. ĐỌC & TÌM HIỂU CHI TIẾT VB (...)

1. Nhan đề của văn bản

Mục tiêu: Giúp HS hiểu được nhan đề và ý nghĩa nhan đề của văn bản

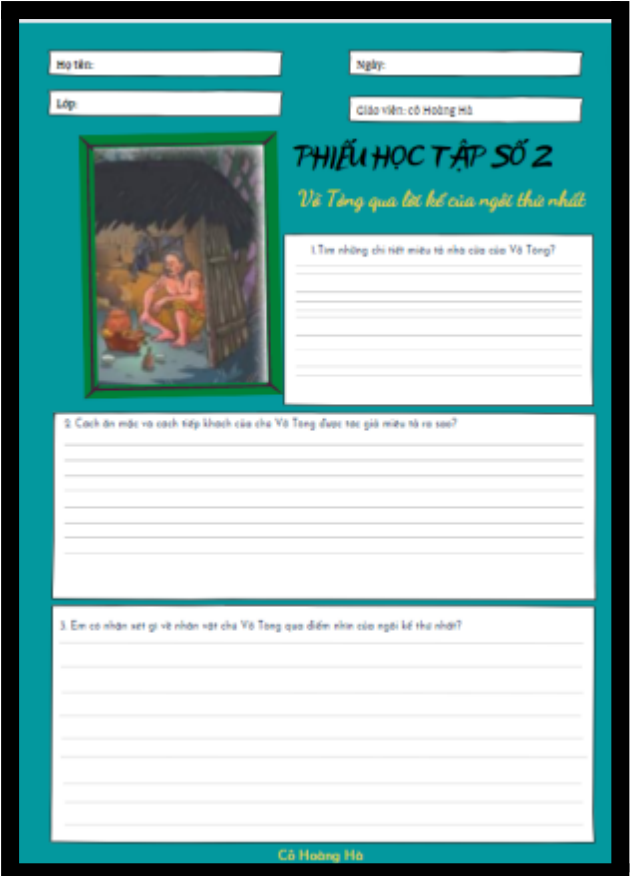
Nội dung:

GV sử dụng KT tia chớp kết hợp với KT đặt câu hỏi để tìm hiểu về nhan đề của văn bản

HS suy nghĩ và làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi của giáo viên.

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Nhan đề của văn bản gợi cho em suy nghĩ gì? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc nhan đề văn bản và suy nghĩ cá nhân GV hướng dẫn HS tìm hiểu bằng cách đặt các câu hỏi phụ (nếu HS không trả lời được). ? Người đàn ông nói đến ai? ? Cô độc là sống với những ai? ? Giữa rừng gợi không gian ở đâu? B3: Báo cáo thảo luận	"Người đàn ông cô độc giữa rừng" => - <i>Người đàn ông</i> -> nhân vật chính - <i>Cô độc</i>: hoàn cảnh sống một mình. - <i>Giữa rừng</i>: không gian sống □ Gợi tả về một người đàn ông đặc biệt, gây sự chú ý và tò mò đối với độc giả.

GV yêu cầu một vài HS trình bày cảm nhận của mình về nhan đề văn bản. HS trả lời câu hỏi của GV, những HS còn lại theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét câu trả lời và câu nhận xét của HS - Chốt nội dung (sản phẩm). - Chuyển dẫn sang nội dung sau.																		
1. Võ Tòng qua lời kể của ngôi kể thứ nhất (20’)																		
Mục tiêu: [1]; [2]; [3]; [7] Nội dung: GV sử dụng KT khăn phủ bàn để tìm hiểu về nhân vật Võ Tòng qua điểm nhìn của ngôi kể thứ nhất. HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm.																		
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp. - Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 2 bằng cách trả lời các câu hỏi 1, 2, 3. - Thời gian: 7 phút	<table><tr><th>P/ diện</th><th>Chi tiết</th><th>Nhận xét</th></tr><tr><td rowspan="2">Nơi ở</td><td>- Trong một túp lều ở giữa rừng.</td><td>☐ NT: miêu tả</td></tr><tr><td>- Giữa lều đặt cái bếp cà ràng.</td><td>☐ Gọi một cuộc sống thiếu thốn.</td></tr><tr><td rowspan="2">Ngoại hình</td><td>- Sống cùng với con vượn bạc má.</td><td></td></tr><tr><td>- Cởi trần</td><td>☐ NT: Miêu tả</td></tr><tr><td></td><td>- Mặc chiếc quần ka ki còn mới</td><td>☐ Gọi hình ảnh về một</td></tr></table>	P/ diện	Chi tiết	Nhận xét	Nơi ở	- Trong một túp lều ở giữa rừng.	☐ NT: miêu tả	- Giữa lều đặt cái bếp cà ràng.	☐ Gọi một cuộc sống thiếu thốn.	Ngoại hình	- Sống cùng với con vượn bạc má.		- Cởi trần	☐ NT: Miêu tả		- Mặc chiếc quần ka ki còn mới	☐ Gọi hình ảnh về một	
	P/ diện	Chi tiết	Nhận xét															
	Nơi ở	- Trong một túp lều ở giữa rừng.	☐ NT: miêu tả															
- Giữa lều đặt cái bếp cà ràng.		☐ Gọi một cuộc sống thiếu thốn.																
Ngoại hình	- Sống cùng với con vượn bạc má.																	
	- Cởi trần	☐ NT: Miêu tả																
	- Mặc chiếc quần ka ki còn mới	☐ Gọi hình ảnh về một																

 THIẾU HỌC TẬP SỐ 2 <i>Võ Tòng qua lều kẻ của ngôi thờ nhứt</i> 1. Tìm những chi tiết miêu tả nhà của cha Võ Tòng? 2. Cách ăn mặc và cách tiếp khách của cha Võ Tòng được tác giả miêu tả ra sao? 3. Em có nhận xét gì về nhân vật cha Võ Tòng qua điểm nhìn của ngôi kể thứ nhất? Cả Hoàng Hà	nhưng lâu không giặt. - Thất xanh-tuya-rô ng - Bên hông đeo lưng lẳng một lưỡi lê nằm gọn trong vỏ sắt. người đàn ông mộc mạc, giản dị.
Dự kiến tình huống khó khăn: HS gặp khó khăn trong câu hỏi số 3. Tháo gỡ: (GV gợi ý HS bằng cách hướng dẫn các em đọc đoạn văn: “<i>có lẽ bố chúng nói đúng... bắt đầu mùa sinh nở của chúng</i>”). B2: Thực hiện nhiệm vụ HS - Quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình). - Đọc đoạn văn: “<i>có lẽ bố chúng nói đúng... bắt đầu mùa sinh nở của chúng</i>”). GV hướng dẫn HS chú ý đoạn 1 (đặc biệt là đoạn văn: “<i>có lẽ bố chúng nói đúng... bắt đầu mùa sinh nở của chúng</i>”). B3: Báo cáo, thảo luận	Lời nói và hành động - <i>Lời nói:</i> + Ngồi xuống đây, chú em! + Nhai bậy một miếng khô nai đi, chú em... - <i>Hành động:</i> + Giết giặc bằng bắn tên. + Chế thuốc độc và tẩm độc vào mũi tên để giết giặc. ☐ Chú Võ Tòng là người thân thiện, cởi mở và dễ mến.

GV: - Yêu cầu HS trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm. - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét câu trả lời của HS. - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.	⇒ <i>Võ Tòng là một người mộc mạc, giản dị, chân thành, cởi mở và yêu nước, căm thù giặc.</i>
3. Võ Tòng qua lời kể của ngôi thứ ba (...)	
Mục tiêu: [1]; [2]; [3]; [8] Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, KT thảo luận cặp đôi để HS tìm hiểu về cuộc trò chuyện giữa Mên và Mon ở phần 2. HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) 1. Chỉ ra dấu hiệu chuyển đổi ngôi kể của đoạn 3? 2. Vì sao người đàn ông sống cô độc trong rừng lại có tên gọi Võ Tòng? 3. Vì sao Võ Tòng lại đến ở một mình trong khu rừng? 4. Qua lời kể của ngôi thứ ba, em có nhận xét gì về nhân vật Võ Tòng? 5. Trao đổi và chia sẻ để hoàn thiện phiếu bài tập số 3	a. Nguồn gốc tên gọi “Võ Tòng” - Do giết hổ chúa trong rừng. - Trên mặt có vết sẹo bởi cái tát của con hổ chúa trước khi chết. b. Lai lịch của Võ Tòng. - Là một gã đàn ông hiền lành và vô cùng yêu vợ. - Từng có một gia đình (vợ gã là người đàn bà xinh đẹp). - Vì chiều vợ, đào mặng cho vợ ăn khi vợ mang bầu nên bị tên địa chủ

Họ và tên: _____ Ngày: _____
 Lớp: _____ Giáo viên: Hoàng Hà

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3
Võ Tòng qua lời kể của người thờ bái



2.2 Nhân vật Võ Tòng qua lời kể của người thờ bái

Điều kiện	Chi tiết	Nhận xét
Nguồn gốc, tên gọi Võ Tòng		
Cuộc sống của Võ Tòng trước khi đến khu rừng		

Cô Hoàng Hà

Phiếu học tập số 3

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS: đọc ngữ liệu trong SGK (đoạn 3), suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi.

GV:

- **Dự kiến KK:** HS khó trả lời câu hỏi số 1
- **Tháo gỡ KK:** GV nói thêm về nhân vật Võ Tòng trong truyền.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS trình bày.
- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

HS

- Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.
- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của các nhóm.

đánh vào đầu (đầu là nơi thờ phụng ông bà thì may mắn tới số rồi).

- Vung dao chém vào mặt tên địa chủ.

□ NT: kể, tả, sử dụng ngôi kể thứ ba để tạo điểm nhìn khách quan.

⇒ ***Võ Tòng là một người đàn ông khỏe mạnh, tính tình ngay thẳng, gan dạ và rất tự trọng.***

- Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang nội dung sau.	
III. TỔNG KẾT (...)	
Mục tiêu: [1]; [2]; [8] Nội dung: - GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản... - HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và báo cáo sản phẩm.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm theo bàn. - Giao nhiệm vụ cho các nhóm: ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản? ? Nội dung chính của văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng”? ? Qua giờ học, em rút ra bài học gì khi khám phá một tác phẩm tự sự? Đặc biệt là khi đi tìm hiểu nhân vật? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần). GV hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng	1. Nghệ thuật - Đan xen và lồng ghép 2 ngôi kể (ngôi kể thứ nhất và ngôi kể thứ ba). - Sử dụng ngôn ngữ mang đậm chất Nam Bộ. 2. Nội dung - Kể về cuộc gặp gỡ của cậu bé An với chú Võ Tòng – một người đàn ông cô độc giữa rừng U Minh vùng Tây Nam Bộ. Qua đó người đọc cảm nhận được chú Võ Tòng không chỉ là người giản dị, mộc mạc, chân thành mà còn là người thẳng thắn, bộc trực, giàu lòng yêu nước, căm thù giặc. Đây cũng chính là nét đẹp của người dân miền Tây Nam Bộ thời bấy giờ. 3. Khi phân tích nhân vật trong tác phẩm tự sự a) Về ngôi kể - Vai trò của từng ngôi kể đặc biệt là sự chuyển đổi ngôi kể trong tác

nhóm. - Nhận xét và chốt sản phẩm lên Slide	phẩm đem đến khả năng di chuyển điểm nhìn nghệ thuật đồng thời mang đến sự linh hoạt trong lời kể. b) Khi tìm hiểu về nhân vật Chú ý các phương diện sau: - Ngoại hình - Tính cách - Ngôn ngữ (lời nói) - Hành động - Suy nghĩ - Lai lịch...
--	---

3. HĐ 3: Luyện tập (16')

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

c) Sản phẩm: Câu 1: A; Câu 2: D; Câu 3: D; Câu 4: C

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Câu 1: Văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” được sáng tác trong hoàn cảnh nào?

- | | |
|------------------------|---------------------|
| A. Đất rừng phương Nam | B. Ngọn tầm vông |
| C. Từ đất Tiền Giang | D. Sông nước Cà Mau |

Câu 2: Văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” sử dụng ngôi kể nào?

- | | |
|---------------------|-------------------------------|
| A. Ngôi kể thứ nhất | B. Ngôi kể thứ hai |
| C. Ngôi thứ ba | D. Ngôi kể thứ nhất và thứ ba |

Câu 3: Qua ngôi kể thứ nhất, Võ Tòng hiện lên là một nhân vật như thế nào?

- | |
|--|
| A. Là một người đàn ông hiền lành, thật thà. |
| B. Là một người cởi mở, hiếu khách. |
| C. Là một người chân thành, mộc mạc |
| D. Là một người mộc mạc, giản dị, chân thành, cởi mở và yêu nước, căm thù giặc |

Câu 4: Qua ngôi kể thứ ba, Võ Tòng hiện lên là một nhân vật như thế nào?

- | |
|--|
| A. Là một người đàn ông hiền lành, thật thà. |
|--|

B. Là một người cởi mở, hiếu khách.

C. Là người đàn ông hiền lành, khỏe mạnh, tính tình bộc trực, có chí khí nhưng số phận lại vô cùng bất hạnh.

D. Là một người yêu nước, căm thù giặc.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV:Chiều bài tập

HS:Đọc yêu cầu của bài và lựa chọn đáp án

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu HS lựa chọn đáp án.

- HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số hoặc bằng cách chốt đáp án đúng.

4. HĐ 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b) Nội dung:GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm:Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ(GV)

? Viết một đoạn văn nêu cảm nhận của em về nhân vật Võ Tòng?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV gợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản (đặc biệt là những chi tiết kể/tả về Võ Tòng...

HS đọc lại văn bản, suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm hoặc trên Padlet

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn...

* **Dặn dò:** Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước bài “Buổi học cuối cùng”

